

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+BK10+TD5	7:25	2+0+20	0+0+0		2+0+20	0+0+0	chuyen 1 bk6-bk10
2		MRM+P1	7:25	16+4	0+0		13+9	0+0	
3		TD3+P1+BK14	9:25	19+3+0	0+0+0		9+12+1	0+0+0	
4		P2+TD3+P7	9:25	7+15+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
5		TD5+GTCl+CTK3	11:25	19+0+3	0+0+0		17+0+5	0+0+0	chuyen 1 GTCl-CTK3
6		CLO+TD5+P1	11:25	6+7+9	0+0+0		2+9+11	0+0+0	
7		P6+TD3+MRM	13:25	2+13+7	0+0+0		0+10+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người đi MRM về chuyển sau

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK6 - BK10 - TD5	CREW: Nam - HTrung - Thành	ETA: 09:20
xanh-1			

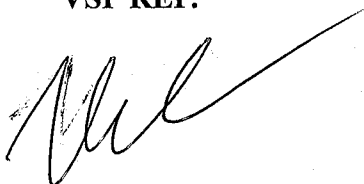
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC HÒA	BK6	81-82	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
2	DANG SY AN	BK6	78-79	2	19		60	XLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN PHÚ	TD5	90-91	2	10		70	DMC-MI	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	10	1	5		70	DMC-MI	Vietnamese
5	PHẠM THÈ TÂM	TD5	97-98	2	15	20	85	KHOAN	Vietnamese
6	DAVYDOV DANIL	TD5	03	1	5		70	KHOAN	Russian
7	CHUSH MAKSIM	TD5	01	1	5		102	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN XUÂN THÈ	TD5	02	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	96	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	VY HUNG CUONG	TD5	94	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
11	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	92	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN GIA THẢO	TD5	93	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
13	BUI XUÂN KHOA	TD5	900	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÀO THANH SƠN	TD5	99	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	HÀ VĂN PHÚC	TD5	09	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	04	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
17	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	KIM NHẬT THÀNH	TD5	06-08	3	19		72	CỎ ĐIỆN	Vietnamese
19	ĐẶNG TIẾN TOÀN	TD5	12-13	2	19		70	CỎ ĐIỆN	Vietnamese
20	HÀ THANH TÙNG	TD5	91	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
21	TU DƯƠNG DUNG	TD5	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	CAO ĐỨC HAI	TD5	05	1	4		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	2	4	38	120	0	2	1	CHUYEN 01 PAX TU BK6 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	20	0		
3	TD5	20	25	141	1.442	20	20		
TOTAL		22	29	179	1.562	40	22		
WEIGHT KG				179	1.562	40			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2023	TO: MRM - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - XTrưởng - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	11-12	2	18		90	AMNGR	Russian
2	ALEKSANDROVICH IVAN	MRM	04	1	12		92	AMNGR	Russian
3	SUVOROV IURII	MRM	19	1	8	20	120	AMNGR	Russian
4	TROIANOV DMITRII	MRM	01	1	12		85	AMNGR	Russian
5	NABOKOV ANDREY	MRM	13-14	2	12		90	AMNGR	Russian
6	EREMEEV E.N.	MRM	3000	1	17		99	KHOAN	Russian
7	ALYGASEV E.	MRM	02	1	7		70	T-TIN	Russian
8	USMANOV ALBERT	MRM	15-16	2	17		115	AMNGR	Russian
9	SHABAKANOV MARAT	MRM	05-06	2	12		85	AMNGR	Russian
10	GRIGOREV ALEKSANDR	MRM	34	1	11		65	AMNGR	Russian
11	KVARTNIKOV ANTON	MRM	03	1	6		105	AMNGR	Russian
12	SHAKIN MIKHAIL	MRM	07-08	2	13		85	AMNGR	Russian
13	NGUYEN HOANG LONG	MRM	35	1	15		80	KHOAN	Vietnamese
14	DIDENKO PAVEL	MRM	17-18	2	14		88	AMNGR	Russian
15	ZHESTKOV IGOR	MRM	10	1	13		120	AMNGR	Russian
16	DEREVIANKO NIKOLAI	MRM	09	1	15		90	AMNGR	Russian
17	ĐINH NGỌC HÙNG	P1	31-32	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN SY LỤC	P1	37-38	2	11		75	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI THANH LONG	P1	33-34	2	18		86	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	16	22	202	1.479	20	13		
2	P1	3	6	43	221	0	9		
TOTAL		19	28	245	1.700	20	22		
WEIGHT KG				245	1.700	20			

GRAND TOAL: 1.965 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: TD3 - P1 - BK14	CREW: Nam - HTrung - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

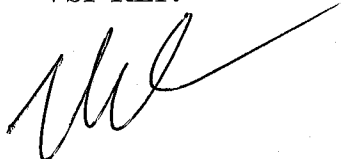
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARIMOV TAGIR G.	TD3	11	1	15		94	D-HANH	Russian
2	ĐỖ VĂN QUANG	TD3	26-27	2	15		82	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM ĐÌNH BẢO	TD3	24	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
4	KOROTKOV VICTOR	TD3	99	1	7		120	KHOAN	Russian
5	NGUYỄN BÌNH MINH	TD3	16-17	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VĂN THƯƠNG	TD3	23	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	BUI HUU VUNG	TD3	15	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN SON	TD3	14	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN KIEM	TD3	20	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ THANH HAI	TD3	13	1	6		87	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM TRƯỜNG ANH	TD3	19	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ TOÀN THẮNG	TD3	12	1	11		76	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ ANH XUÂN	TD3	22	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN HAI NAM	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
15	VU NGOC THANH	TD3	25	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	LA THANH	TD3	18	1	10		70	YTE	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	10	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	21	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NAM	P1	42	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
20	VU DINH DUONG	P1	40	1	12	22	86	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HUU KHUYEN	P1	43	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ QUỐC THỤY	P1	44	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

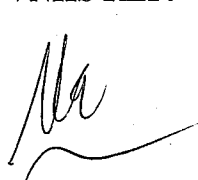
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	18	19	137	1.410	0	9		
2	P1	4	4	47	279	22	12		
3	BK14	0	0	0	0	10	1		
TOTAL		22	23	184	1.689	32	22		
WEIGHT KG				184	1.689	32			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

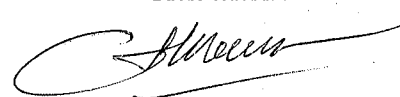
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2023	TO: P2 - TD3 - P7	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TUYỀN - XTrường - THU	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG QUỐC HUY	P2	39-40	2	20	20	82	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
2	DUƠNG HỮU THUẬN	P2	41	1	8		63	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
3	HA VAN TRUONG	P2	43	1	11		57	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC THỊNH	P2	45	1	13		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY KHANH	P2	42	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ TẤT THÀNH	P2	44	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	84	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	93	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG BĂNG	TD3	87	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
10	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	91	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	92	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3				45	77	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC BAO TŨ	TD3	94	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	88-89	2	14		82	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ VĂN THĂNG	TD3	90	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	TẠ HOÀI TRĂNG	TD3	82	1	10		77	ANTOAN	Vietnamese
17	CHU ĐÌNH THANH	TD3	83	1	8		52	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG LONG	TD3	96	1	12		64	DVL	Vietnamese
19	ĐÌNH VIỆT DŨNG	TD3	95	1	8		63	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG SƠN	TD3	85	1	6		72	DVL	Vietnamese
21	PHẠM THANH DUNG	TD3	86	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN MINH THANG	TD3	98	1	7		126	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	6	7	77	419	20	0		
2	TD3	16	16	111	1.184	45	20		
3	P7	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	23	188	1.603	65	22		
WEIGHT KG				188	1.603	65			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	TO: TD5 - GTC1 - CTK3	CREW: Linh - KHOAN - Tú	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ VĂN TIỀN	TD5	22	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN HAI	TD5	15	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN THUY	TD5	21	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	19-20	2	12		77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	32	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	35	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
7	LƯU XUÂN HẠNH	TD5	16	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	27	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN KHUU	TD5	18	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ DUY NGỌC	TD5	33	1	15		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD5	34	1	13		73	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ NGỌC LUÂN	TD5	17	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN PHU	TD5	24	1	12		71	CODIEN	Vietnamese
14	NIKITIN NIKOLAI	TD5	25	1	12		90	ANTOAN	Russian
15	TRẦN THAI AN	TD5	23	1	15		75	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIẾN	TD5	28	1	8		75	DVL	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH HÙNG	TD5	30-31	2	15		70	YTE	Vietnamese
18	ĐINH VĂN HOÀI	TD5	26	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	29	1	5		76	PSV	Vietnamese
20	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	74	1	9	8	75	KH-THAC	Vietnamese
21	HA MINH GIANG	CTK3	73	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN XUAN PHUC	CTK3					75	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	21	167	1.367	0	17		CHUYEN 1 PAX GTC1-CTK3 +1DIEU PHAI NGOI GHE PHU:THAI QUANG HUY
2	GTC1	0	0	0	0	0	0		
3	CTK3	3	2	13	224	8	5		
TOTAL		22	23	180	1.591	8	22		
WEIGHT KG				180	1.591	8			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2023	TO: CLO - TD5 - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Toan	ETA: 14:05
TRANG-3			

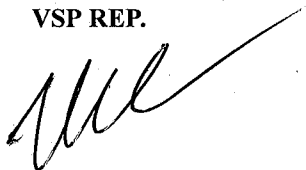
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ NGỌC BÈN	CLO	16	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ MINH HOANG	CLO	21	1	18		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN TÂM	CLO	22	1	12	15	62	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN HIẾU	CLO	18	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	CLO	17	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
6	TẠ HỒNG QUÂN	CLO	19-20	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	55	1	2		62	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG NGHĨA	TD5	59	1	5		52	PSV	Vietnamese
9	ĐINH VĂN THĂNG	TD5	57	1	4		75	PSV	Vietnamese
10	LÊ VĂN LỢI	TD5	56	1	4		55	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH TRUNG	TD5	58	1	12		70	NHATHAU	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TẤT	TD5	53-54	2	17		68	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TUÂN	TD5	51-52	2	17		75	DK9	Vietnamese
14	NGUYỄN KIM HA	P1	80-81	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁC THẠCH	P1	84-85	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐINH VĂN DƯƠNG	P1	86	1	7	20	64	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ HỮU QUÂN	P1	74-75	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN DANG TUYẾN	P1	78-79	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN SY TÀI	P1	76	1	13	15	50	XAYLAP	Vietnamese
20	DOAN NGUYỄN MINH TRUONG	P1	83	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN TRONG TUYẾN	P1	82	1	19		67	XAYLAP	Vietnamese
22	VO TIEN PHAT	P1	73	1	15	11	74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

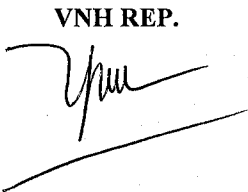
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	6	7	72	434	15	2		
2	TD5	7	9	61	457	0	9		
3	P1	9	13	135	578	46	11		
TOTAL		22	29	268	1.469	61	22		
WEIGHT KG				268	1.469	61			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

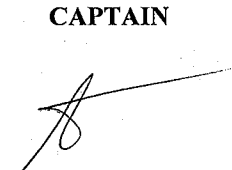
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2023	TO: P6 - TD3 - MRM	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Linh - XHOÀN - Tú	ETA: 16:20
XANH-4			

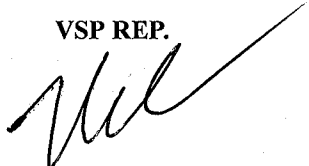
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC HẬU	P6	54	1	5	33	65	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THỦ	P6	55	1	6		62	CƠ ĐIỆN	Vietnamese
3	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD3	33	1	18		80	DVL	Vietnamese
4	LE PHU PHUC	TD3	95	1	7		82	DVL	Vietnamese
5	DƯƠNG BA VINH	TD3	67-68	2	15		85	DVL	Vietnamese
6	NHAM ĐỨC TUÂN	TD3	29	1	5		70	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN XUAN VINH	TD3	35-36	2	19		95	DVL	Vietnamese
8	TRẦN ANH TUÂN	TD3	23	1	5		72	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THUẬT.	TD3	37-38	2	19		70	DVL	Vietnamese
10	HOANG GIANG LAM	TD3					70	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH MUỐI	TD3	34	1	3		72	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TUÂN	TD3	31	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG MINH	TD3	94	1	10		82	PSV	Vietnamese
14	TRAN DINH VINH	TD3	30	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	VUONG KIEN QUOC	TD3	32	1	10		70	DVL	Vietnamese
16	CHIRKIN DANIL	MRM	74-75	2	19		65	AMNG	Russian
17	ZAMYANTIN VICTOR	MRM	72-73	2	13		80	AMNG	Russian
18	CAO XUAN VINH	MRM	36	1	8		70	AMNG	Vietnamese
19	PHAM HONG MINH	MRM	69	1	13		70	AMNG	Vietnamese
20	PHAN NGOC TIEN	MRM	78-79	2	12	20	65	DVL	Vietnamese
21	PHAN DINH GIAP	MRM	66-67	2	19		85	DVL	Vietnamese
22	LE HUU NGHIA	MRM	70-71	2	12		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	2	2	11	127	33	0		
2	TD3	13	15	121	983	0	10		
3	MRM	7	12	96	508	20	12		
TOTAL		22	29	228	1.618	53	22		
WEIGHT KG				228	1.618	53			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

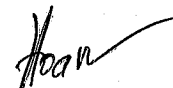
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+PPD+P1	7:25	13+2+7	0+0+0		13+0+8	0+0+0	
2		P4+TD2+RP3	7:25	20+2+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
3		TD3+P4	9:25	16+6	0+0		14+8	0+0	
4		P1+BK21+TD1	9:25	22+0+0	0+0+0		15+4+2	0+0+0	CHUYEN 2 BK21-TD1
5		P7+P4	11:25	16+3	0+0		13+9	0+0	
6		P3+TD3	11:25	17+4	0+0		12+10	0+0	
7		AMD+TGTH1+TGTH4	13:25	12+4+2	0+0+0		11+4+4	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2023	TO: AMD - PPD - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Linh - Mạnh - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NAM TRUNG	AMD	08	1	5		76	HLJOC	Vietnamese
2	HỒ ANH QUỐC	AMD	05	1	2	30	71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	300	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	07	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	02	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DOÀN DUÂN	AMD	01	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HUNG	AMD	03-04	2	15		57	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	11-12	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ VĂN SAU	AMD	09	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT LAM	AMD	13-15	3	15		81	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	10	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG THANH	AMD	06	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	16-17	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LUONG NGOC TAN	PPD	73-74	2	15	13	72	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN DINH LONG	PPD	71	1	9	50	67	XLAP	Vietnamese
16	BABKIN A	P1	89	1	3		103	KH-THAC	Russian
17	KISELEV I	P1	91	1	4		100	KH-THAC	Russian
18	TRẦN KIM CUÔNG	P1	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TRUNG CHÍNH	P1	93	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG HIỆU	P1	90	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THANH TÀI	P1	92	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN HỮU DŨNG	P1	94-95	2	13		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

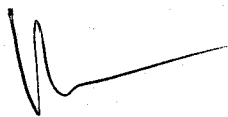
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	18	101	875	30	13		
2	PPD	2	3	24	139	63	0		
3	P1	7	8	41	579	0	8		
TOTAL		22	29	166	1.593	93	21		
WEIGHT KG				166	1.593	93			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P4 - TD2 - RP3	CREW: CHIẾN - MMinh - Toan	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ DUY TOÀN	P4	65	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	64	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH QUÂN	P4	73-74	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	82	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG THỌ	P4	79-80	2	17		81	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THAI SƠN	P4	81	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	78	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	66	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MINH TUÂN	P4	70	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN NGỌC TUÂN	P4	69	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO MẠNH DŨNG	P4	67	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HOÀNG LONG	P4	75	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG	P4	77	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	22	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU VĂN ĐẠT	P4	62	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY HOÀNG	P4	61	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐAM VĂN QUANG	P4	68	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ANH THẮNG	P4	71-72	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
20	HÀ TÂN DŨNG	P4	76	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ THẾ HÙNG	TD2	01	1	10	45	66	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẶNG MINH TUÂN	TD2	300	1	15		81	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	23	154	1.378	0	13		
2	TD2	2	2	25	147	45	0		
3	RP3	0	0	0	0	15	9		
TOTAL		22	25	179	1.525	60	22		
WEIGHT KG				179	1.525	60			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: TD3 - P4	CREW: Linh - Mạnh - THỤ	ETA: 11:40
XANH 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	TD3	09-10	2	12		84	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN BÁC	TD3					81	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG HIỆU	TD3	20	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUANG PHÚC	TD3	05	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	TD3	02	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỒNG VĂN THỊNH	TD3	03	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC TIỀN	TD3	08	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC THANH	TD3	04	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUẤN	TD3	11-12	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG BA VỊNH	TD3	07	1	16		62	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TINH	TD3	13	1	6		70	PSV	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN AI	TD3	06	1	5		63	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG TRINH	TD3	01	1	5		56	PSV	Vietnamese
14	LÊ XUÂN THẮNG	TD3	17-19	3	24		82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THAI QUYNH	TD3	16	1	18		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THUAN	TD3	14-15	2	17	65	72	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ HỒNG TRUNG	P4	89	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	90	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI MẠNH CUÔNG	P4	88	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI VĂN MẠNH	P4	87	1	15		66	KH-THAC	Vietnamese
21	DOAN THANH CÔNG	P4	91	1	9		77	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN LÊ HUY	P4	92-93	2	20		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	16	20	154	1.131	65	14		
2	P4	6	7	59	408	0	8		
TOTAL		22	27	213	1.539	65	22		
WEIGHT KG				213	1.539	65			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2023	TO: P1 - BK21 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MMinh - Toan	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOANG ANH TUÂN	P1	61	1	8	42	63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	56	1	6	60	76	KH-THAC	Vietnamese
3	LE QUANG MINH	P1				25	75	KH-THAC	Vietnamese
4	TẠ QUỐC VIỆT	P1	54	1	9		63	YTE	Vietnamese
5	HOÀNG THÀNH LINH	P1	48	1	6		60	PSV	Vietnamese
6	TRẦN HOÀNG SANG	P1	96	1	13		95	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM ANH SƠN	P1	51	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THẮNG	P1	64-65	2	17		50	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ QUANG ANH	P1	500	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM SỸ HIỆP	P1	97	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NAM CƯỜNG	P1	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ HỒNG HAI	P1	47	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	99	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	53	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	YUKHIMCHUCK A.	P1	62	1	10		82	KH-THAC	Russian
16	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P1	63	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN GIA CƯỜNG	P1	66	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HỒNG QUY	P1	98	1	10		70	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HOÀN	P1	58-59	2	20		87	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐUNG	P1	57	1	15		58	DVL	Vietnamese
21	LE KIẾN TRUNG	P1	52	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
22	LE DINH PHUC	P1	45-46	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	24	197	1.531	127	15		CHUYEN 2 PAX BK21-TD1
2	BK21	0	0	0	0	0	3	2	
3	TD1	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	24	197	1.531	127	20		
WEIGHT KG				197	1.531	127			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2023	TO: P7 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐNam - QTrưởng	ETA: 14:00
XANH - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	53	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LUƠNG VĂN LUƠNG	P7	49	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH THANH TAM	P7	40	1	4		88	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG VĂN QUANG	P7	48	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU HUNG	P7	41	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN LỢI	P7	51	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P7	38	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THIÊN	P7	47	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC TÂN	P7				30	69	KH-THAC	Vietnamese
10	VUÔNG VĂN THÔNG	P7	44-46	3	10		67	YTE	Vietnamese
11	ĐÀO ĐỨC THAI	P7	52	1	18		93	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THỂ HẠNH	P7	43	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SOAI	P7	42	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG SƠN	P7	50	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG XUÂN THẮNG	P7	36-37	2	22		68	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẬU CÔNG SAU	P7	39	1	5		84	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÂM	P4	85	1	7	10	70	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	83-84	2	9		53	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TOÀN	P4	86	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	16	18	130	1.216	30	13		
2	P4	3	4	23	189	10	9		
TOTAL		19	22	153	1.405	40	22		
WEIGHT KG				153	1.405	40			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: N0 6	TO: P3 - TD3	CREW: Dương - NPhú - Tú	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN THANH	P3	97	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
2	LUÔNG HỮU HẬU	P3	92-93	2	20		85	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THE DUONG	P3	46	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỜNG AN	P3	94	1	8	40	81	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	40	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THIÊN THANH	P3	91	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	89-90	2	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	95	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN TRUNG	P3	96	1	7		70	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN HẠC HAI	P3	44	1	11		67	BIEN DON	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY NHẬT	P3	41	1	10		60	BIEN DON	Vietnamese
12	HỒ CHI NAM	P3	39	1	10		58	BIEN DON	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG VINH	P3	42-43	2	20		70	BIEN DON	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC SANG	P3	45	1	8		58	BIEN DON	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TUÂN	P3	98-99	2	11		85	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT TOÀN	P3	38	1	7		87	PSV	Vietnamese
17	MAI MINH TIẾN	P3	200	1	5		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VŨ QUỐC	TD3	26	1	8		62	DVL	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC TÙNG	TD3	27-28	2	19		73	YTE	Vietnamese
20	ĐÀO VĂN THẮNG	TD3	29-30	2	13		55	PSV	Vietnamese
21	HO VAN QUYNH	TD3	25	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	17	21	151	1.242	40	12		
2	TD3	4	6	47	255	0	10		
TOTAL		21	27	198	1.497	40	22		
WEIGHT KG				198	1.497	40			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 13:25
FLIGHT: N0 7	TO: AMD - TGTH1 - TGTH4	CREW: NKhánh - TRƯỜNG	ETA: 15:20
TRANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MẠNH HÀ	AMD	29-30	2	16	20	86	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH HỮU TÍNH	AMD	35	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI BA HÙNG	AMD	23	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HỮU ĐẶNG	AMD	34	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC LẠI	AMD	33	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HÙNG	AMD	31-32	2	14		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NHẠ	AMD	20	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT THẮNG	AMD	22	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	28	1	5		58	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN HUU BINH	AMD	21	1	9		63	PSV	Vietnamese
11	LY THANH QUÂN	AMD	26-27	2	13		66	PHATECO	Vietnamese
12	NINH QUỐC KHÁNH	AMD	24-25	2	9	25	75	PHATECO	Vietnamese
13	NGÔ QUANG HUÂN	TGTH1	17	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN GIANG	TGTH1	13	1	7	15	72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU CUÔNG	TGTH1	14-15	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRUNG	TGTH1	16	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO SY DUC	TGTH4	19-20	2	19		97	HLJOC	Vietnamese
18	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	21-22	2	13	20	90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	16	103	864	45	10		
2	TGTH1	4	5	31	287	15	4		
3	TGTH4	2	4	32	187	20	4		
TOTAL		18	25	166	1.338	80	18		
WEIGHT KG				166	1.338	80			

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel: Pilot